

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2024/QĐPT-DS

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định phần sở hữu, quyền sử dụng tài sản
trong khối tài sản chung của vợ chồng

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:
Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên họp phúc thẩm công khai việc dân sự thụ lý số 639/2023/TLPT-VDS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định phần sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng”.

Do Quyết định số 12/2023/QĐST-VDS ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng như sau:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Đinh Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị M: Bà Trương Thị M1, sinh năm 1956; địa chỉ: số C A, Cách mạng tháng T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2022), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tổng Quan P, sinh năm 1979, có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bà Lê Võ Bích T, sinh năm 1980, có mặt.

Cùng địa chỉ: số A, khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, địa chỉ: đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thị H – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023), có đơn đề nghị vắng mặt.

4. Bà Võ Thị Thu V, sinh năm 1957; địa chỉ: số A T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

5. Ông Lê Võ Anh T1, sinh năm 1985; địa chỉ: số A T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim H1; địa chỉ: tổ D, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Hiền T2, sinh năm 1979, có đơn đề nghị vắng mặt;

2. Ông Đỗ Hữu Q, sinh năm 1980, có đơn đề nghị vắng mặt,

Cùng địa chỉ: tổ B, ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tống Qunag P1 và bà Lê Võ Bích T.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Bà Đinh Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể sau: Bà Đinh Thị M yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Tống Quan P trong khối tài sản chung là thửa đất số 121, tờ bản đồ số 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AN 661786 (số vào sổ cấp GCN: H48825 ngày 02/3/2009) mang tên chủ sử dụng là bà Lê Võ Bích T (vợ của ông P), đất tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, để Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một có cơ sở tổ chức thi hành nghĩa vụ của ông Tống Quan P trong việc thi hành Bản án số 81/2011/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Tống Quan P và bà Lê Võ Bích T trình bày: Ông P và bà T là vợ chồng. Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AN 661786 (số vào sổ cấp GCN: H48825 ngày 02/3/2009) là tài sản riêng của bà Lê Võ Bích T, không phải tài sản chung của ông P và bà T. Nguồn gốc tài sản có được do cha mẹ bà T là ông Lê Văn N và bà Võ Thị Thu V bỏ tiền ra mua và tặng cho riêng bà T. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T và ông P không quản lý mà bà T giao lại cho cha mẹ bà T quản lý, sử dụng và cho thuê. Tiền cho thuê do cha mẹ bà T sử dụng. Ông P không biết gì về tài sản này. Do đó, ông P và bà T không đồng ý với yêu cầu của bà Đinh Thị M.

3. Bà Võ Thị Thu V trình bày: Thừa đất số 121, tờ bản đồ số 26, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 661786 (số vào sổ cấp GCN: H48825 ngày 02/3/2009) là do bà V và chồng là ông Lê Văn N bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng và cho riêng con gái là bà Lê Võ Bích T, không cho ông P. Từ trước đến nay, tài sản là do bà V trực tiếp quản lý, cho thuê, thu huê lợi.

4. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một: Trong quá trình giải quyết yêu cầu thi hành án của bà Đinh Thị M đối với Bản án số 81/2011/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đã xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án là ông Tổng Quan P đã xác định được trong thời kỳ hôn nhân giữa ông P và bà T có phát sinh tài sản là thửa đất số 121, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường P, thành phố T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AN 661786 (số vào sổ cấp GCN: H48825 ngày 02/3/2009) đứng tên bà Lê Võ Bích T. Nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Hiền T2.

5. Người làm chứng bà Trần Thị Hiền T2 trình bày: Năm 2008, bà Võ Thị Thu V nhận chuyển nhượng thửa đất số 121, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá 280.000.000 đồng. Bà V trả đủ tiền cho bà T2. Khi nhận chuyển nhượng, bà V xác định mua cho con nên yêu cầu bà T2 ký hợp đồng chuyển nhượng trực tiếp với con bà V là bà Lê Võ Bích T. Bà T2 đã trực tiếp bàn giao nhà, đất cho bà V.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Đinh Thị M về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của người phải thi hành án.

- Xác định ông Tổng Quan P được quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với 40% trị giá khối tài sản là thửa đất số 121, tờ bản đồ số 26, diện tích 80m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 48825 do UBND thị xã (nay là thành phố T) cấp ngày 02/3/2009 cho chủ sử dụng tên Lê Võ Bích T. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, kết cấu móng, cột gạch, mái tole, nền gạch men.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí đo đạc, định giá:

- Bà Đinh Thị M được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Đinh Thị M số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí (do bà Trương Thị M1 nộp thay) theo Biên lai thu số 00025156 ngày 06 tháng 12 năm 2022.

- Bà Đinh Thị M tự nguyện nộp 3.923.143 đồng (ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) chi phí đo đạc, định giá tài sản, bà Đinh Thị M đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

Ngoài ra, quyết định còn tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, ông Tổng Quan P và bà Lê Võ Bích T có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định giải quyết việc dân sự nêu trên.

Tại phiên họp phúc thẩm, người yêu cầu giải quyết việc dân sự vẫn giữ nguyên yêu cầu; người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về thời hạn kháng cáo: người kháng cáo đã kháng cáo đúng thời hạn luật định.

- Về căn cứ kháng cáo: nguồn gốc đất là do cha, mẹ bà T là ông Lê Văn N và bà Võ Thị Thu V cho bà T tiền để nhận chuyển nhượng, người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng là bà T và bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trong thời kỳ hôn nhân với ông P. Bà T, bà V và ông P trình bày là tài sản riêng của bà T nhưng không có chứng cứ thể hiện là cho riêng. Do đó, quyền sử dụng đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất là cha mẹ bà T cho bà T nên bà T được 60%, còn ông P 40% là phù hợp. Quyết định giải quyết việc dân sự là có căn cứ. Đề nghị căn cứ Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm số 12/2023/QĐST-DS ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Tổng Quan P và bà Lê Võ Bích T có đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên họp, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trừ ông Tổng Quan P, bà Lê Võ Bích T và bà Võ Thị Thu V) và người làm chứng do có đơn xin vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo Điều 374 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[2.1] Bà Lê Võ Bích T và ông Tổng Quan P là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05 ngày 26/02/2004, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

[2.2] Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 26, diện tích 80m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (kết cấu: móng, cột gạch, mái tole, nền gạch men), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H48825 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố T) cấp

ngày 02/3/2009 cho chủ sử dụng là bà Lê Võ Bích T. Nguồn gốc tài sản là do bà Lê Võ Bích T nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Hiền T2 vào ngày 01/9/2008 (bút lục 39 - 41). Bà T và ông P xác định không phải tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của bà T (được tặng cho riêng) nên không đồng ý với yêu cầu phân chia tài sản của bà M.

[2.3] Tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định:

“Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án

1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án”.

Tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định về: Kê biên tài sản để thi hành án

“1. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự...

2. Việc kê biên, xử lý tài sản chung của người phải thi hành với người khác được thực hiện như sau:

...

c) Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ, chồng thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết...

Trường hợp vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản và trả lại cho vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của họ”.

Tại Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Việc dân sự là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không có tranh chấp, nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của mình hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; yêu cầu Tòa án công nhận cho mình quyền về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động” .

Đối chiếu với các quy định được viện dẫn nêu trên, nhận thấy bà Đinh Thị M là người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Tổng Quan P và bà Lê Võ Bích T để thi hành án đối với nghĩa vụ của ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Tuy nhiên, trong việc này ông P và bà T không đồng ý phân chia theo yêu cầu của bà M. Như vậy, có căn cứ xác định các bên có tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự để giải quyết là không đúng quy định tại Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nên cần thiết phải hủy quyết định sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp là chưa phù hợp.

[3] Về lệ phí dân sự phúc thẩm: Ông Tổng Quan P và bà Lê Võ Bích T không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 361, Điều 373, Điều 374, Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tổng Quan P và bà Lê Võ Bích T.

2. Hủy Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ việc dân sự cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về lệ phí dân sự phúc thẩm:

Ông Tổng Quan P và bà Lê Võ Bích T không phải chịu.

Trả cho ông Tổng Quan P và bà Lê Võ Bích T 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000851 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- CCTHADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Thị Thanh Trúc